TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 40/2023/DS-PT
Ngày 15 - 02 - 2023
V/v "Tranh chấp thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Vương Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 406/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1130/2022/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2288/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 206/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2022; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3183/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 01 năm 2023 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 99/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị M, sinh năm 1945 (vắng mặt);

Địa chỉ: 10460 T St.NW, C Rapids, MN55433, Hoa Kỳ.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Đỗ Như H, sinh năm 1997 (có mặt);

Địa chỉ: Số 21/18, đường C1, Phường 7, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Lê Văn T1, sinh năm 1961 (có mặt);

Địa chỉ: 002 lô B3 Chung cư A2, đường P1, Phường 7, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị P2, sinh năm 1952 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 453/90, đường L, Phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thiên V, sinh năm 1992 (có mặt);

Địa chỉ: Số 453/90, đường L, Phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Anh V, sinh năm 1986 (có mặt);

2. Ông Trần Quang V, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của ông Anh V và ông Quang V: Ông Trần Thiên V, sinh năm 1992 (có mặt);

Địa chỉ: Số 453/90, đường L, Phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Trần Thiên V, sinh năm 1992 (có mặt);

Địa chỉ: Số 453/90, đường L, Phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Ông Đỗ Như H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn trình bày:

Cha mẹ của bà Mlà ông Trần Đức D(chết năm 1986) và bà Nguyễn Thị Q(chết năm 1987). Cha mẹ bà M có hai người con là Trần Đức D1 và Trần Thị M, khi ông bà chết không để lại di chúc.

Ngày 06/7/1987, bà M tiến hành khai nhận di sản thừa kế và ngày 03/8/1987 bà M làm thủ tục trước bạ tại Cơ quan thuế đối với tài sản của cha mẹ để lại là 02 căn nhà gồm căn nhà số 491/15, đường L, Phường 12, Quận 3 và nhà số 453/90, đường L, Phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, 01 xe máy hiệu Yamaha và 07 lượng vàng lá.

Hiện nay còn 01 căn nhà số 453/90, đường L, Phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh do bà P2(Vợ ông D1) và các con đang ở. Lầu 1 do con trai bà M là Nguyễn Tiến Đ đang sinh sống.

Gia đình bà P2 cho rằng đây là nhà của ông Trần Đức D1(Em trai bà M) nên lấn ép không cho con bà M là ông Đ sử dụng điện nước, không cho để xe, cắt phá điện thoại. Gia đình bà P2 đã khoá trái cửa và chiếm đoạt lầu 1.

Nay bà M yêu cầu được chia thừa kế và được hưởng ½ giá trị căn nhà trên.

Đối với Quyết định hòa giải thành số 56/HGT ngày 22/6/1991 của Tòa án nhân dân Quận 3 thì quyết định này thoả thuận bà M, ông D1 cùng khai thác sử dụng tài sản chung là nhà đất số 453/90, đường L, Phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Các bên không có thoả thuận phân chia di sản thừa kế đối với căn nhà trên mà mong muốn cùng nhau sử dụng nhà đất do cha mẹ để lại; trong quyết định không có nội dung phân chia, chuyển nhượng hay tặng cho giữa các bên. Yêu cầu khởi kiện của bà M năm 1991 tại Tòa án nhân dân Quận 3 không phải là yêu cầu chia thừa kế mà yêu cầu ông D1 chấm dứt hành vi cản trở bà M khai thác phần tài sản của mình trên nhà đất trên.

Do vậy yêu cầu khởi kiện chia thừa kế này của bà M tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là một yêu cầu khởi kiện khác không phải là yêu cầu đã được giải quyết bằng một quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

Đối với 25 chỉ vàng mà ông D1 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà M theo ghi nhận tại Quyết định số 56/HGT hoàn toàn không liên quan đến việc định đoạt nhà và đất tại số 453/90, đường L, Phường 12, Quận 3. Số vàng trên được bà M cho ông D1 vay để làm ăn không liên quan đến việc phân chia di sản thừa kế. Vì thế bà M sẽ xem xét khởi kiện yêu cầu những người thừa kế của ông D1 thực hiện việc trả tài sản vay trong vụ án khác.

Bị đơn bà Trần Thị P2 trình bày:

Cha mẹ chồng của bà có hai người con là ông Trần Đức D1và bà Trần Thị M, khi cha mẹ chồng chết không để lại di chúc. Năm 1987 bà M và ông D1 phân chia di sản thừa kế như sau: bà M đứng tên sở hữu căn nhà số 491/15, đường L, Phường 12, Quận 3 và ông D1 đứng tên nhà số 453/90, đường L, Phường 12,

Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà M ở tại căn nhà số 491/15 và chồng bà ở tại căn nhà số 453/90. Sau đó bà M bán căn nhà số 491/15 lấy tiền cho con gái vượt biên và trả nợ. Đồng thời chồng bà đồng ý cho bà M và chồng cùng 4 người con qua nhà số 453/90 ở nhà trên lầu 1 và hứa sẽ đưa cho chồng bà 2,5 lượng vàng để có vốn làm ăn, khi nào có điều kiện sẽ lấy lại mua nhà khác.

Trong thời gian sinh sống thì giữa bà M và chồng bà có xích mích nên ông D1 đề nghị trả lại số vàng và gia đình bà M dọn đi nơi khác sinh sống. Bà M không đồng ý nên kiện ông D1 ra Tòa án nhân dân Quận 3 theo đơn khởi kiện ngày 21/5/1988. Và Tòa án đã ban hành Quyết định công nhận hòa giải thành số 56/HGT ngày 22/6/1991.

Năm 1992, ông D1 mất. Năm 1998, bà M và chồng bà M định cư ở nước ngoài. Năm 2009, sau khi ba người con còn lại của bà M đi nước ngoài thì con cả của bà M là Nguyễn Tiến Đ xin dọn về ở trên lầu 1 để chờ ngày đi định cư. Tháng 6/2019, ông Đ đã cùng gia đình đi định cư ở Mỹ.

Ngày 21/6/2019, ông Nguyễn Anh T2 là người đại diện theo ủy quyền của bà M cùng 03 người đàn ông khác đã xâm nhập vào căn nhà bà đang ở và nói là chủ nợ của ông Đ, do ông Đ trốn đi nước ngoài nên tới siết nhà thay cho khoản nợ, sự việc xâm nhập vào nhà và đe dọa của ông T2 thì bà đã làm đơn tố giác tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân Quận 3.

Nay bà M tiếp tục khởi kiện bà yêu cầu chia thừa kế, bà không đồng ý vì căn cứ theo Quyết định hòa giải thành số 56/HGT ngày 22/6/1991 giữa bà M và ông D1 và điểm c khoản 1 Điều 192 điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án trên đã được giải quyết bằng một quyết định có hiệu lực pháp luật. Đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án và trả lại đơn kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Anh V, ông Trần Quang V, ông Trần Thiên V trình bày: Thống nhất với ý kiến và lời trình bày của bà P2; không đồng ý chia thừa kế và đề nghị Tòa án đình chỉ, trả đơn kiện cho bà M.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1130/2022/DS-ST ngày 22/7/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Căn nhà số 453/90, đường L, Phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh không còn là di sản thừa kế của ông Trần Đức D và bà Nguyễn Thị Q.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 27/7/2022 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận đơn kháng cáo của ông Đỗ Như H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị M yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đỗ Như H và ông Lê Văn T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị M ông H và ông T1 thống nhất cử ông H trình bày: Thứ nhất Tòa sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ. Biên bản họp hội đồng gia tộc không phải bản gốc mà là bản photocopy. Không triệu tập ông Trần Đức L1là người cùng ký tên trong biên bản làm rõ. Quyết định công nhận thỏa thuận không có nội dung tài sản riêng của ông D1. Tài liệu chứng cứ nội dung không rõ ràng mà không xác minh. Bản án số 03/2019/HC-ST ngày 28/11/2019 là tranh chấp giữa bà P2 và Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 3, bà M không được triệu tập. Tòa án xác định căn nhà số 453/90 đã thực hiện chia xong, không còn là di sản thừa kế là không chính xác. Thứ tư, các bên không có thỏa thuận về việc phân chia. Sai sót thu thập chứng cứ và áp dụng pháp luật sai, đề nghị hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Ông Trần Thiên V trình bày: 2 căn nhà được chia từ năm 1987 sau khi ông D và bà Q mất. Theo Giấy phép mua bán chuyển dịch nhà cửa thì mỗi người đứng tên 1 căn nhà. Không phải là tài sản thừa kế vì nếu là tài sản chung của 2 người thì trên giấy phép đó phải ghi tên của 2 người nhưng ở đây mỗi căn nhà đều do một người đứng tên. Căn nhà 453/90 chỉ do ông D1 đứng tên. Đến năm 1988 thì bà M tự ý bán căn nhà của bà M. Ông D1 không nhận được bất kỳ khoản tiền nào từ việc bán nhà vì đó là tài sản riêng của bà M. Đến năm 1988 bà M mới khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế tại Tòa án nhân dân Quận 3. Tòa án nhân dân Quận 3 đã ra Quyết định hòa giải thành khẳng định ông D1 có quyền sở hữu căn nhà nên mới có những nội dung như ông D1 đồng ý cho bà M sử dụng lầu 1. Nếu căn nhà 453/90 là sở hữu chung thì trong quyết định hòa giải thành phải có những nội dung khác như bà M đồng ý cho ông D1 sử dụng lầu 2 hoặc tầng trệt nhưng trong quyết định hòa giải thành Tòa án nhân dân Quận 3 không hề đề cập những quyền đó của bà M tức là khẳng định bà M không có quyền đối với căn nhà 453/90. Đến năm 2018, gia đình bị đơn bắt đầu đi làm giấy tờ nhà ở Văn phòng Đăng ký đất đai nộp đầy đủ hồ sơ và tiến hành như bình thường cho đến khi ông Đ là con của bà M và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 3 ngăn chặn. Ông Đ và Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 3 thân thiết nên chèn ép gia đình bị đơn trong quá trình làm giấy tờ nhà. Năm 2019, gia đình bị đơn khởi kiện hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 3. Tòa án đã xác nhận Chủ tịch Phường 12 có hành vi hành chính sai trái nên Tòa án đã tuyên án và sau đó ông Chủ tịch đã bị kỷ luật và thuyên chuyển công tác. Sau đó phía bị đơn tiếp tục làm giấy tờ nhà tại Văn phòng Đăng ký đất đai nhưng phía nguyên đơn tiếp tục ngăn chặn bằng cách gửi đơn khởi kiện vụ án dân sự. Bị đơn đề nghị Tòa xem xét bác toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nội dung:

Ông D và bà Q chết không để lại di chúc, tài sản để lại là 02 căn nhà gồm căn nhà số 491/15 đường L, Phường 12, Quận 3 và căn nhà số 453/90 đường L, Phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, 01 xe máy hiệu Yamaha và 07 lượng vàng lá. Ông bà có 2 người con là ông D1 và bà M. Năm 1987 bà M đã thực hiện việc kê khai di sản thừa kế và xác nhận hàng thừa kế gồm ông D1 và bà M. Theo Giấy phép mua bán chuyển dịch nhà cửa số 193 ngày 26/6/1987 do Ủy ban nhân dân Quận 3 cấp thì bà M đứng tên sở hữu căn nhà số 491/15 đường L, Phường 12, Quận 3 và ông D1 đứng tên căn nhà số 453/90 đường L, Phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào Biên bản họp hội đồng gia tộc ngày 08/01/1988 thì ông D1 đã nêu căn nhà 453/90 ông được hưởng và căn nhà 491/15 do cha mẹ mua giao cho bà M ở và khi bà M bán nhà thì ông đồng ý cho gia đình bà M về ở tầng 1 của căn nhà 453/90 và bà M có giao cho ông D1 số tiền là 1.250.000 đồng tương đương 2,5 lượng vàng. Vào ngày 21/5/1988 bà M có đơn khởi kiện tại Toà án nhân dân Quận 3 yêu cầu chia di sản thừa kế và vụ án đã được giải quyết bằng Quyết định hoà giải thành số 56/HGT ngày 22/6/1991 tại Toà án nhân dân Quận 3 có nội dung: Công nhận sự thoả thuận tự nguyện giữa bà Trần Thị M và ông Trần Đức D1như sau: "Chị M và anh D1 thống nhất cho chị Trần Thị M sử dụng phần diện tích lầu 1 của căn nhà 453/90 đường L, Phường 12 Quận 3, diện tích 12m x 3,8m, đồng thời có lối đi riêng sau nhà từ cầu thang xuống. Tầng trệt anh D1 đồng ý cho chị M để xe ở tầng trệt. Sau này chị M có điều kiện dọn nhà đi thì anh Trần Đức D1có trách nhiệm trả lại cho chị M 2 lượng 5 chỉ vàng 24 k loại 9,6 tuổi (Tại Toà án Quận 3)". Quyết định trên đã có hiệu lực pháp luật không có kháng cáo, kháng nghị. Năm 1998, bà M cùng chồng và một trong những người con đã xuất cảnh, định cư tại Mỹ. Năm 2018, ông Nguyễn Tiến Đ là con bà M có đơn ngăn chặn bà P2 tiến hành thủ tục hợp thức hoá căn nhà trên. Nên thủ tục xét cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà của bà P2 bị ngưng. Bà P2 đã có đơn khởi kiện Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 3 với nội dung khiếu kiện hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai. Toà án nhân dân Quận 3 đã xét xử bằng Bản án số 03/2019/HC-ST ngày 28/11/2019 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị P2. Căn cứ theo bản án trên đã nhận định cơ sở xác định việc cấp giấy chứng nhận của bà P2là có cơ sở. Bản án đã có hiệu lực pháp luật, không có kháng cáo, kháng nghị. Sau đó ông Nguyễn Tiến Đ là con của bà M dọn đến ở và năm 2019 cũng đã xuất cảnh sang Mỹ. Như vậy, đối với yêu cầu chia di sản thừa kế là căn nhà số 453/90 đã thực hiện chia xong. Căn nhà trên không còn là di sản thừa kế của ông D và bà Q. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M là

có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật. Kháng cáo của bà M là không có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông Đỗ Như H là đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị M, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Ông Trần Đức D(chết năm 1986) và bà Nguyễn Thị Q(chết năm 1987), có hai người con là Trần Đức D1và Trần Thị M, khi ông Trần Đức D bà Nguyễn Thị Q chết không để lại di chúc, để lại hai căn nhà là 453/90 và 491/15 đường L, Phường 12 Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1987, bà M đã thực hiện việc kê khai di sản thừa kế và xác định hàng thừa kế gồm ông D1 và bà M.

[2.2] Bà M và gia đình sống tại căn nhà 491/15 đường L, Phường 12 Quận 3; ông D1 và gia đình sống tại căn nhà 453/90 đường L, Phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Tờ đồng ý ngày 28/8/1987 ông D1 đã ký cho bà M được bán căn nhà 491/15, có ghi là nội dung là căn nhà là di sản thừa kế do cha mẹ để lại và Tờ bảo lãnh của ông D1 cho gia đình bà M vào ở tại căn nhà 453/90 do ông làm chủ hộ ngày 12/8/1987.

Căn cứ vào Biên bản họp hội đồng gia tộc ngày 08/01/1988 (Biên bản này bà Mnộp đính kèm bản tường trình sự việc gửi Toà án nhân dân Quận 3 ghi ngày 22/3/1991) thì ông D1 đã nêu căn nhà 453/90 ông được hưởng và căn nhà 491/15 do cha mẹ mua giao cho bà M ở và khi bà M bán nhà thì ông đồng ý cho gia đình bà M về ở tầng 1 của căn nhà 453/90 và bà M có giao cho ông D1 số tiền là 1.250.000 đồng tương đương 2,5 lượng vàng.

Vào 21/5/1988 bà M có đơn khởi kiện tại Toà án nhân dân Quận 3 yêu cầu chia di sản thừa kế và vụ án đã được giải quyết bằng Quyết định hoà giải thành số 56/HGT ngày 22/6/1991 tại Toà án nhân dân Quận 3 có nội dung: Công nhận sự thoả thuận tự nguyện giữa bà Trần Thị M và ông Trần Đức D1 như sau: Chị M và anh D1thống nhất cho chị Trần Thị M sử dụng phần diện tích lầu 1 của căn nhà 453/90 đường L, Phường 12 Quận 3, diện tích 12m x 3,8m, đồng thời có lối đi riêng sau nhà từ cầu thang xuống.

Tầng trệt anh D1đồng ý cho chị M để xe ở tầng trệt.

Sau này chị M có điều kiện dọn nhà đi thì anh Trần Đức D1có trách nhiệm trả lại cho chị M 2 lượng 5 chỉ vàng 24 k loại 9,6 tuổi (Tại Toà án Quận 3).

Quyết định trên đã có hiệu lực pháp luật không có kháng cáo, kháng nghị.

[2.3] Năm 1998, bà M cùng chồng và một trong những người con đã xuất cảnh, định cư tại Mỹ.

Năm 2018, ông Nguyễn Tiến Đ là con của bà M có đơn ngăn chặn bà P2tiến hành thủ tục hợp thức hoá căn nhà trên. Nên thủ tục xét cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà của bà P2 bị ngưng.

Bà P2đ ã có đơn khởi kiện Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 3 với nội dung khiếu kiện hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai. Toà án nhân dân Quận 3 đã xét xử bằng Bản án số 03/2019/HC-ST ngày 28/11/2019 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị P2. Căn cứ theo bản án trên đã nhận định cơ sở xác định việc cấp giấy chứng nhận của bà P2 là có cơ sở. Bản án đã có hiệu lực pháp luật, không có kháng cáo, kháng nghị.

Sau đó ông Nguyễn Tiến Đ là con của bà M dọn đến ở và năm 2019 cũng đã xuất cảnh sang Mỹ.

[2.4] Đối với các khoản tiền vàng bị đơn kê khai theo Tờ khai di sản thừa kế thì các đương sự không có yêu cầu giải quyết và xem xét nên Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết là có căn cứ.

[2.5] Do vậy, yêu cầu chia di sản thừa kế là căn nhà số 453/90 đã thực hiện chia xong. Căn nhà trên không còn là di sản thừa kế của ông D và bà Q. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.6] Các nội dung khác của án sơ thẩm giữ nguyên.

[2.7] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ các tài liệu này có trong hồ sơ. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật. Ông Đỗ Như H và ông Lê Văn T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị M kháng cáo không đưa ra tình tiết gì khác làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ y án sơ thẩm như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà M là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35; Điều 37; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 12; Điều 24; Điều 25; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; Danh mục án phí lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016);

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Như H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị M.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 1130/2022/DS-ST ngày 22/7/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Căn nhà 453/90 đường L Phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh không còn là di sản thừa kế của ông Trần Đức D và bà Nguyễn Thị Q.

3. Chi phí định giá, thẩm định: Nguyên đơn phải chịu, nguyên đơn đã nộp xong.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn được miễn án phí, hoàn lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.750.000đ (Năm mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0024315 ngày 26/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị M được miễn án phí.

6. Về thi hành án: Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu (Án - Trúc).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Ngọc Thu Hương